

Số: /TT-Tr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm

DỰ THẢO 1

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử (TMĐT) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Thương mại điện tử là xu hướng tất yếu trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam cũng như của các nước trên thế giới. Theo số liệu của Bộ Công Thương thì quy mô thị trường Việt Nam năm 2024 vượt mốc 25 tỷ USD, tăng 20% so với năm 2023. Với tốc độ tăng trưởng cao của thương mại điện tử đòi hỏi cơ chế chính sách quản lý của các cơ quan nhà nước cũng phải thay đổi phù hợp với phát triển hoạt động của thương mại điện tử đặc biệt là thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Hiện nay, Việt Nam chưa có quy định riêng về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử nên việc thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử được thực hiện như đối với hàng hóa thông thường.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/NQ-CP ngày 26/02/2021 về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định có tờ trình số 249/TT-Tr-BTC ngày 31/12/2021 về việc ban hành Nghị định quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử. Sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến của thành viên Chính phủ, Bộ Tài chính đã có công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 về việc hoàn thiện dự thảo Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử. Ngày 26/7/2023, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 5657/VPCP-KTTH thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái yêu cầu Bộ Tài chính tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử, đảm bảo tính khả thi, đồng bộ với việc hoàn thành hệ thống công nghệ thông tin, trình Chính

phù xem xét, quyết định trong quý 4 năm 2024.

Thời gian vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã có một số văn bản chỉ đạo như Công điện 56/CĐ-TTg ngày 06/6/2024 về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực TMDT kinh doanh trên nền tảng số, Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 27/8/2024 về việc kích cầu tiêu dùng hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và phát triển thị trường trong nước, Công điện số 119/CĐ-TTg ngày 25/11/2024 về tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về thương mại điện tử của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã có các chỉ đạo:

(i) Tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để kịp thời đề xuất, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chính sách pháp luật về quản lý thương mại điện tử.

(ii) Tối ưu hóa quy trình thông quan cho hàng hóa xuất nhập khẩu qua thương mại điện tử, đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả thực hiện nghĩa vụ thuế, tăng cường triển khai các giải pháp thu thuế, chống thất thu thuế, xử lý nghiêm các vi phạm về thuế, hải quan trong hoạt động thương mại điện tử.

(iii) Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công Thương nghiên cứu giải pháp kiểm soát chặt chẽ hàng nhập khẩu qua thương mại điện tử phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

(iv) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử nhằm quản lý chặt chẽ hơn nữa hoạt động xuất nhập khẩu qua thương mại điện tử.

Việt Nam đang hoàn thiện hệ thống pháp luật về thương mại điện tử, thuế, quản lý thuế đảm bảo công tác quản lý được hoạt động thương mại điện tử, cụ thể:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 về thương mại điện tử trong đó có bổ sung mục 5 hoạt động thương mại điện tử của thương nhân, tổ chức nước ngoài và bổ sung Điều 67a quy định về Thương nhân, tổ chức nước ngoài có website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử tại Việt Nam.

Tại khoản 4 Điều 42 Luật Quản lý thuế có quy định đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam. Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử hoặc nền tảng số thì tổ chức quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử có chức năng thanh toán và các tổ chức khác có trách nhiệm khấu trừ, kê khai, nộp thuế thay cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Tại Luật thuế Giá trị gia tăng không có quy định về việc miễn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa trị giá nhỏ.

Ngày 03/01/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 01/2025/QĐ-TTg về việc bãi bỏ Quyết định 78/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về mức giá trị hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh được miễn thuế. Theo đó từ ngày 18/02/2025 hàng hóa gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh phải nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định.

Với sự thay đổi mạnh mẽ của thương mại điện tử trong thời gian vừa qua, đồng thời với sự thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực thương mại điện tử, thuế, quản lý thuế, Bộ Tài chính đã có công văn số 12960/BTC-TCHQ ngày 27/11/2024 đề xuất về việc Bộ Tài chính sẽ hoàn thiện lại dự thảo Nghị định, xin ý kiến tham gia đối với các nội dung mới tại dự thảo Nghị định và được Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phúc đồng ý tại văn bản số 9232/VPCP-KTTH ngày 16/12/2024.

Tại khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì Chính phủ ban hành Nghị định để quy định: "*Các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; các biện pháp để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ...*" Như vậy, việc Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử là đảm bảo đúng quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Đồng thời, việc ban hành Nghị định đảm bảo việc thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 giao Bộ Tài chính: "*Chủ trì xây dựng Nghị định trình Chính phủ ban hành về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử ...*" và Nghị quyết số 24/NQ-CP ngày 26/02/2021 của Chính phủ về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Kinh nghiệm của một số nước về thương mại điện tử:

Indonesia: Quy định không giao dịch hàng hóa thương mại trên mạng xã hội. Người bán hàng trên các nền tảng thương mại điện tử phải có giấy phép hoạt động thương mại điện tử riêng, tương ứng với mã phân loại doanh nghiệp; đối với doanh nghiệp hoạt động buôn bán xuyên biên giới trên sàn thương mại điện tử, quy định sản phẩm xuất xứ nước ngoài bán trực tiếp vào Indonesia phải có mức giá tối thiểu tương đương 100 USD/sản phẩm, chưa bao gồm cước phí vận chuyển. Bộ Thương mại xác định danh sách hàng hóa được phép bán trực tiếp từ nước ngoài vào Indonesia thông qua nền tảng thương mại điện tử và xác định mức giá tối thiểu đối với các hàng hóa này. Những hàng hóa có giá dưới mức giá tối thiểu phải được Bộ trưởng Bộ Thương mại cấp phép.

EU và Anh yêu cầu các chủ thể nước ngoài bán hàng qua thương mại điện tử phải đăng ký và nộp thuế giá trị gia tăng.

Đức yêu cầu các nước đã ký kết hiệp định thương mại tự do song phương (FTA) với nước này thiết lập kênh thông tin chia sẻ dữ liệu về thuế thương mại điện tử.

Thái Lan: Chính phủ Thái Lan yêu cầu Cục Thuế và Cục Hải quan tăng cường các biện pháp ngăn chặn tình trạng xuất hiện tràn lan các sản phẩm hàng hóa giá rẻ từ Trung Quốc gây tổn hại cho doanh nghiệp Thái Lan như: thu 7% thuế giá trị gia tăng đối với hàng nhập khẩu giá rẻ từ Trung Quốc có giá dưới 1.500 Baht (tương đương 1.100.000 đồng Việt Nam); kiểm soát nghiêm ngặt hoạt động khai báo hải quan đối với hàng hóa Trung Quốc, nhất là hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử xuyên biên giới.

Hàn Quốc: Thắt chặt quy định về sở hữu trí tuệ, bản quyền, kiểm soát chất lượng hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Đang xem xét sửa đổi Đạo luật Thương mại điện tử để bắt buộc các nhà khai thác nền tảng trực tuyến lớn của nước ngoài phải thành lập văn phòng địa phương tại Hàn Quốc.

Trung Quốc: Người bán phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế giá trị gia tăng để bán hàng trên nền tảng thương mại điện tử. Tại 3 thành phố biên giới giáp biên Việt Nam của Trung Quốc là Hà Khẩu, Bằng Tường, Đông Hưng, nhiều kho hàng khổng lồ đã và đang được Trung Quốc xây dựng. Các kho hàng này có chức năng thu gom hàng hóa trong nước và phân phối ở nước ngoài. Đây là khu vực được tích hợp kho bãi, thông quan tại chỗ, không cần thông qua các cửa khẩu. Theo đó, việc mua hàng Trung Quốc qua các sàn thương mại điện tử rất thuận tiện và nhanh (thời gian từ đặt hàng đến giao nhận hàng trong vòng 8 giờ). Chính phủ Trung Quốc và các địa phương giáp biên đưa ra nhiều chính sách, cơ chế hỗ trợ các doanh nghiệp, mỗi vận đơn xuất đi đều được hỗ trợ chi phí, thậm chí miễn cước vận chuyển chuyển hàng về Việt Nam. Trung Quốc đã tối ưu hóa quy trình thông quan đối với hàng hóa thương mại điện tử xuyên biên giới, cải thiện các biện pháp quản lý, kiểm tra và kiểm dịch, tuy nhiên lại quy định chặt chẽ việc cho phép một số hàng hóa được phép nhập khẩu vào thị trường Trung Quốc qua thương mại điện tử như phải thuộc Danh sách hàng hóa được nhập khẩu bán lẻ tại Trung Quốc thông qua thương mại điện tử; chỉ cho phép bán hàng hóa tới người tiêu dùng cuối cùng chứ không được mua đi bán lại.

b) Thực trạng thương mại điện tử tại Việt Nam

Trong những năm vừa qua thương mại điện tử Việt Nam phát triển mạnh mẽ, theo các công bố của Bộ Công thương tốc độ tăng trưởng về thương mại điện tử của Việt Nam từ 15-20%. Năm 2024, quy mô thị trường thương mại điện tử bán lẻ Việt Nam ước vượt mốc 25 tỷ USD, tăng khoảng 20% so với năm 2023. Số này cao hơn so với dự báo 22 tỷ USD trước đó của Google, Temasek, Bain & Company đưa ra tại báo cáo "e-Economy SEA 2024". Như vậy, trong khu vực, quy mô thương mại điện tử Việt Nam hiện chỉ sau Indonesia (65 tỷ USD) và Thái Lan (26 tỷ USD). Việt Nam hiện đang được xếp vào nhóm 10

quốc gia có tốc độ tăng trưởng thương mại điện tử hàng đầu thế giới.

c) Cơ hội, thách thức của Việt Nam đối với sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử xuyên biên giới

Cơ hội: Với sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử nếu Việt Nam biết tận dụng thì đây cũng là cơ hội để Việt Nam phát triển như: (i) Thị trường thương mại điện tử thế giới phát triển sẽ thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới của Việt Nam phát triển; (ii) Tạo cơ hội quảng bá sản phẩm của Việt Nam ra thị trường quốc tế; (iii) Tạo sức ép để ngành logistic của Việt Nam phát triển; (iv) Tận dụng các kho hàng gần biên giới của Trung Quốc để lưu giữ hàng hóa của Việt Nam trước khi đưa vào thị trường nội địa của Trung Quốc.

Thách thức: Hiện nay tốc độ phát triển TMDT nhanh cả về quy mô và hình thức có thể bị các tổ chức, cá nhân lợi dụng kinh doanh xuyên biên giới để trốn thuế, gây thất thoát thu ngân sách, doanh nghiệp kinh doanh không cần có trụ sở, thực hiện giao dịch bằng phương thức điện tử, máy chủ có thể đặt ở nước ngoài nên gây khó khăn trong xác định danh tính người nộp thuế và căn cứ tính thuế, khó khăn trong kiểm soát dòng tiền do chủ thể tiêu dùng có thể sử dụng cả 02 phương thức thanh toán là tiền mặt và tiền điện tử.

Với chiến lược phát triển TMDT của Trung Quốc thời gian gần đây sẽ tạo các nguy cơ đối với Việt Nam như: (i) Hàng hóa nước ngoài chiếm lĩnh thị trường Việt Nam khiến hàng hóa Việt Nam cùng chức năng nhưng không cạnh tranh được giá cả, đa dạng về mẫu mã, chủng loại, tốc độ giao hàng; (ii) Nguy cơ các công ty thương mại điện tử trong nước bị doanh nghiệp nước ngoài thôn tóm; (iii) Người tiêu dùng đối mặt với nguy cơ bị lừa đảo, nhận hàng kém chất lượng, thiếu thông tin về nhà cung cấp,...; (iv) Xuất hiện ngày càng nhiều tội phạm sử dụng công nghệ cao xâm nhập vào trong nước hoạt động do lộ lọt thông tin cá nhân khi mua hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử; (v) Nguy cơ về hoạt động chuyển giá, trốn thuế, rửa tiền của các doanh nghiệp TMDT có yếu tố nước ngoài; (vi) Nguy cơ phụ thuộc vào công nghệ của một số quốc gia khác; (vii) Nguy cơ các vấn đề về an ninh tiền tệ của hoạt động chuyển tiền, thanh toán tiền hàng được mua bán trên các sàn giao dịch thương mại điện tử.

Trên cơ sở các phân tích nêu trên, Dự thảo Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử được trình Chính phủ sau khi tiếp thu ý kiến của thành viên Chính phủ tại công văn 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 nhận thấy không còn phù hợp với tình hình hiện nay. Vì vậy, đảm bảo có hành lang pháp lý cho thương mại điện tử, thực hiện cam kết quốc tế, cần thiết ban hành Nghị định quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử với các nội dung phù hợp với Hệ thống văn bản pháp luật hiện hành và thực tiễn thương mại điện tử hiện nay.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Tạo hành lang pháp lý riêng, đầy đủ, rõ ràng, minh bạch về chính sách quản lý, thủ tục hải quan điện tử tạo thuận lợi cho tổ chức và cá nhân thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử; đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan hiệu quả, cải cách thủ tục hành chính; góp phần phát triển thương mại điện tử.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

a) Đảm bảo phù hợp với Hiến pháp, phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm;...), các chuẩn mực, thông lệ, xu hướng thương mại quốc tế. Tuân thủ thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành Nghị định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Thể chế hóa các quan điểm và định hướng của Đảng, Nhà nước trong việc phát triển và đổi mới trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế. Đảm bảo tính toán điện, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn, khắc phục những khó khăn, vướng mắc, bất cập quá trình thực thi các quy định hiện hành.

c) Bảo đảm thực thi các quy định của pháp luật về thuế, về quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo hướng đơn giản, minh bạch, công khai, thuận tiện, thống nhất có tính đến chính sách ưu đãi của Nhà nước; tăng cường thực hiện các thủ tục qua cơ chế một cửa quốc gia tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, đầu tư, du lịch, phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

d) Tuân thủ thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành Nghị định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về:

1. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử (bao gồm hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh).

2. Kiểm tra, quản lý chuyên ngành, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử (bao gồm hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh).

3. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử (sau đây gọi tắt là Hệ thống xử lý dữ liệu

hải quan về thương mại điện tử).

2. Đối tượng áp dụng

1. Nhà quản lý website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng, ứng dụng bán hàng.
2. Doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử hoặc đại lý của doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa tại Việt Nam.
3. Đại lý làm thủ tục hải quan.
4. Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.
5. Doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan.
6. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh. Doanh nghiệp kinh doanh địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh.
7. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.
8. Các tổ chức, cá nhân khác có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.
9. Cơ quan hải quan, công chức hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Ngày 26/02/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 24/NQ-CP về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử. Theo đó: "Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng Nghị định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật có liên quan, trình Chính phủ trong quý IV năm 2021".

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/NQ-CP, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định theo đúng quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và cơ sở trình số 249/TTr-BTC ngày 31/12/2021 và tờ trình số 102/TTr-BTC ngày 10/5/2022 về việc ban hành Nghị định quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.

Sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến của thành viên Chính phủ, Bộ Tài chính đã có công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 về việc hoàn thiện dự thảo Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.

Ngày 26/7/2023, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 5657/VPCP-KTTH

thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khai yêu cầu Bộ Tài chính tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử, đảm bảo tính khả thi, đồng bộ với việc hoàn thành hệ thống công nghệ thông tin, trình Chính phủ xem xét, quyết định trong quý 4 năm 2024.

Với sự thay đổi mạnh mẽ của thương mại điện tử trong thời gian vừa qua, đồng thời văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực thương mại điện tử, thuế, quản lý thuế cũng có sự thay đổi, Bộ Tài chính đã có công văn số 12960/BTC-TCHQ ngày 27/11/2024 đề xuất về việc Bộ Tài chính sẽ hoàn thiện lại dự thảo Nghị định, xin ý kiến tham gia đối với các nội dung mới tại dự thảo Nghị định và được Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc chỉ đạo tại văn bản số 9232/VPCP-KTTH ngày 16/12/2024: "*Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định pháp luật liên quan, trình Chính phủ xem xét, quyết định trong quý I năm 2025; đảm bảo thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật về thương mại điện tử, thuế, quản lý thuế và thực tiễn hoạt động thương mại điện tử hiện nay; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về nội dung đề xuất, sửa đổi, bổ sung mới.*". Để triển khai thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc, Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát các nội dung tại dự thảo Nghị định với hệ thống pháp luật về thương mại điện tử, thuế, quản lý thuế và thực tiễn hoạt động thương mại điện tử để xây dựng dự thảo Nghị định. Về xây dựng Hệ thống phần mềm: Hiện cơ quan hải quan đang phối hợp với công ty xây dựng phần mềm triển khai xây dựng Hệ thống quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử đảm bảo khi Nghị định được ban hành thì Hệ thống đảm bảo triển khai được trong thực tiễn.

Trong quá trình soạn thảo dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016, Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

1. Khảo sát, tìm hiểu vướng mắc trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử. Tổ chức xin ý kiến các Bộ ngành, hội thảo với các doanh nghiệp, sản thương mại điện tử, ...

2. Thành lập Tổ biên tập dự thảo Nghị định.

3. Xây dựng Nghị định và tổ chức đánh giá tác động các thủ tục hành chính và nội dung quy định tại dự thảo Nghị định.

4. Bộ Tài chính đã có công văn số ngày lấy ý kiến các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính đã tổ chức các Hội thảo để xin ý kiến tham gia của các Cục Hải quan địa phương, các doanh nghiệp chuyển phát nhanh, bưu chính, doanh nghiệp kinh doanh sàn giao dịch thương mại điện tử,

Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến của Bộ, ngành cũng như các hiệp hội, doanh nghiệp kinh doanh về thương mại điện tử, dịch vụ chuyển phát nhanh, bưu chính và logistics, đại lý của các sàn giao dịch thương mại điện tử về

Đối với các ý kiến không tiếp thu, Bộ Tài chính đã giải trình cụ thể trực tiếp tại các cuộc họp và tổng hợp giải trình bằng văn bản (*trình kèm bảng tổng hợp ý kiến của các đơn vị*).

6. Dự thảo Nghị định đã được Bộ Tư pháp thẩm định tại báo cáo thẩm định số/BCTĐ-BTP ngày theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định trình Chính phủ (*trình kèm bản báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp*).

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

1.1 Về tên gọi:

Tên gọi đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tại Nghị quyết số 24/NQ-CP ngày 26/02/2021 về việc thông qua đề nghị xây dựng thì tên của Nghị định là: "Nghị định quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử". Tuy nhiên, qua rà soát Bộ Tài chính đề xuất bỏ chữ "được" trong tên của Nghị định. Sau khi bỏ chữ "được" vẫn đảm bảo cách hiểu đúng như tên gọi đã được phê duyệt và tên của Nghị định là: "quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử". Tên gọi này vẫn giữ nguyên như tên tại tờ trình 249/TTr-BTC ngày 31/12/2021 của Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định.

1.2 Về bố cục:

Dự thảo Nghị định có 30 Điều, được chia thành 07 chương:

Chương 1. Quy định chung

Chương 2. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.

Chương 3. Kiểm tra, quản lý chuyên ngành, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử

Chương 4. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.

Chương 5. Giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử

Chương 6. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương 7. Điều khoản thi hành.

So với dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ tại công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 của Bộ Tài chính thì cấu trúc của dự thảo vẫn gồm 07 chương nhưng đã bỏ toàn bộ các nội dung liên quan đến 01 chương và tách nội dung thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử thành 02 chương là chương Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử và chương Giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Căn cứ nội dung quy định của pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế, pháp luật về quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, thông lệ kinh nghiệm quốc tế, các cam kết quốc tế của Việt Nam, pháp luật khác có liên quan và thực tế phát sinh trong quá trình quản lý đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử cũng như xu hướng phát triển của hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử, tại dự thảo Nghị định quy định các nhóm nội dung cơ bản sau:

2.1. Quy định chung:

Quy định cụ thể phạm vi, đối tượng áp dụng, người khai hải quan, quản lý rủi ro, nguyên tắc quản lý hải quan, nội hàm một số từ ngữ tại dự thảo Nghị định, cụ thể:

a) Về phạm vi điều chỉnh:

Điểm b khoản 1 Điều 1 Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/03/2020 có giới hạn phạm vi điều chỉnh của đề án, cụ thể: *phạm vi điều chỉnh là các giao dịch thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được thực hiện trên các sàn giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng có thông tin về đơn hàng được gửi trước đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử.*

Điểm 1 mục IV tờ trình số 186/TTr-BTC ngày 13/10/2020, Bộ Tài chính đề xuất về phạm vi điều chỉnh: *Nghị định này quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử hoặc website thương mại điện tử bán hàng có thông tin về đơn hàng được gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.*

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính nhận được các ý kiến tham gia cần bổ sung thêm phạm vi điều chỉnh là các trường hợp giao dịch qua mạng xã hội như facebook, zalo,... nhằm phù hợp với các hình thức giao dịch thương mại điện tử hiện nay. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị định 85/2021/NĐ-CP ngày 25/09/2021 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử đã quy định cụ thể về các hình thức hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử trong đó bao gồm cả các trường hợp mạng xã hội có các hình thức hoạt động như cho phép người tham gia được mở các gian hàng để trưng bày, giới thiệu hàng hóa hoặc dịch vụ, cho phép người tham gia được mở tài khoản để thực hiện quá trình giao kết hợp đồng với khách hàng, có chuyên mục mua bán, trên đó cho phép người tham gia đăng tin mua bán hàng hóa và dịch vụ cũng được coi là một trong các hình thức hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử.

Tiếp thu ý kiến tham gia, để đảm bảo hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh phải thực hiện thủ tục hải quan, chính sách thuế, chính sách kiểm tra chuyên ngành theo quy định tại Nghị định này. Nội dung quy định này chỉ đảm bảo làm rõ nghĩa hơn tránh có nhiều cách hiểu, áp dụng khác nhau của văn bản. Bộ Tài chính đề xuất phạm vi điều chỉnh quy định như sau:

"Nghị định này quy định về:

1. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử (bao gồm hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh)

2. Kiểm tra, quản lý chuyên ngành, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử (bao gồm hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh).

3. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử (sau đây gọi tắt là Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử)".

b) Về đối tượng áp dụng:

Ngoài các đối tượng áp dụng như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thông thường, tại dự thảo Nghị định có quy định thêm các đối tượng là Nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng ví dụ như sàn thương mại điện tử Amazon ở Mỹ, sàn thương mại điện tử Alibaba ở Trung Quốc, website thương mại điện tử bán hàng Ebay..., quy định này tương đồng với quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Quản lý thuế về người nộp thuế. Nội dung quy định về đối tượng áp dụng tại dự thảo Nghị định phù hợp với đối tượng áp dụng tại Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Nội dung này thay đổi cụm từ: “Chủ sở hữu” thành “Nhà quản lý” đồng thời bổ sung thêm “nền tảng số” để đảm bảo phù hợp với Luật thuế giá trị gia tăng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế Thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử phạt vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 so với dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ tại công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 của Bộ Tài chính.

c) Về giải thích từ ngữ:

Để làm rõ bản chất của các nội dung, vấn đề cân quản lý, điều chỉnh tại dự thảo Nghị định, trong khi pháp luật có liên quan chưa quy định cụ thể, dự thảo Nghị định đã có giải thích một số từ ngữ cụ thể các khái niệm: giao dịch qua thương mại điện tử, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.

Tại dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ tại công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 của Bộ Tài chính đã có 03 khái niệm trên, tuy nhiên khi thực hiện rà soát Bộ Tài chính nhận thấy:

- Cần bổ sung thêm cụm từ “nền tảng số” tại khái niệm giao dịch thương mại điện tử đảm bảo phù hợp với Luật thuế giá trị gia tăng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế Thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử phạt vi phạm hành chính số 56/2024/QH15.

- Khái niệm hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử và hàng hóa xuất khẩu giao dịch qua thương mại điện tử có thể gây ra cách hiểu không thống nhất, vì vậy để đảm bảo phù hợp với Luật Thuế XNK số 107/2016/QH13 và khoản 1, khoản 2 Điều 28 Luật Thương mại 2005, Bộ Tài chính bổ sung cụm từ “*được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương*”

Các khái niệm tại Điều 3 được quy định như sau:

“1. *Giao dịch qua thương mại điện tử là hoạt động mua bán hàng hóa được tiến hành trực tuyến qua website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng, ứng dụng bán hàng, nền tảng số.*

2. *Hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử là hàng hóa được người Việt Nam, người nước ngoài ở Việt Nam đặt mua qua giao dịch thương mại điện tử để đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ nước ngoài hoặc từ khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương.*

3. *Hàng hóa xuất khẩu giao dịch qua thương mại điện tử là hàng hóa từ*

Việt Nam được người Việt Nam, người nước ngoài ở Việt Nam bán hàng qua giao dịch thương mại điện tử để đưa hàng hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa vào khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương."

d) Về người khai hải quan:

Theo thông lệ hoạt động mua bán hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử, người bán hàng thường giao hàng cho người mua tại địa chỉ của nước nhập khẩu, trong giá bán đã bao gồm các chi phí vận chuyển, các loại thuế, phí phải nộp (nếu có), do vậy để phù hợp với bản chất của hoạt động này và phù hợp với quy định tại khoản 14 Điều 4 Luật Hải quan năm 2014 (quy định về người khai hải quan), tại dự thảo Nghị định quy định người khai hải quan gồm các đối tượng sau:

Người khai hải quan là chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử, người được chủ hàng hóa ủy quyền hoặc được chỉ định thực hiện thủ tục hải quan bao gồm:

- Nhà quản lý website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; chủ sở hữu website thương mại điện tử bán hàng, ứng dụng bán hàng, nền tảng số.

Trường hợp Nhà quản lý website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử là thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam thì thực hiện thủ tục hải quan thông qua đại lý làm thủ tục hải quan hoặc ủy quyền cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh tại Việt Nam.

- Đại lý làm thủ tục hải quan.

- Doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử hoặc đại lý của doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa tại Việt Nam; doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan; doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh.

Nội dung này về bản chất không sửa đổi so với dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ tại công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 của Bộ Tài chính mà chỉ viết lại cho dễ hiểu, để áp dụng văn bản tránh việc hiểu nhầm khi áp dụng văn bản.

2.2. Quy định về Hệ thống

Hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu đang thực hiện trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (Hệ thống VNACCS), về cơ bản Hệ thống đang đáp ứng yêu cầu quản lý đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, tuy nhiên đối với hàng hóa xuất nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử có các đặc trưng riêng là nhỏ lẻ, thời điểm mua chủ yếu vào thời điểm giảm giá, hàng hóa được giao đến tay người mua hàng, để quản lý được cũng như tạo thuận lợi cho

hoạt động này cần có Hệ thống riêng đáp ứng yêu cầu xử lý nhanh, số lượng lớn các đơn hàng.

Hệ thống phần mềm đảm bảo việc kết nối với các sàn giao dịch thương mại điện tử, đơn vị vận chuyển theo hướng tự động. Thông tin đơn hàng được gửi đến hệ thống của cơ quan hải quan cùng thời điểm với việc khai tờ khai hải quan. Thông tin vận chuyển (thông tin liên quan đến hàng hóa tại cửa khẩu) sẽ được đối soát với thông tin đơn hàng và thông tin tờ khai hải quan.

Các quy định về Hệ thống về cơ bản không sửa đổi so với dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ tại công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 của Bộ Tài chính chỉ bổ sung thêm nội dung: “Người sử dụng được sử dụng tài khoản VNeID để thực hiện truy cập và sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử. Việc đăng ký tài khoản, khóa tài khoản, kích hoạt tài khoản, thu hồi tài khoản và quản lý tài khoản VNeID thực hiện theo quy định hiện hành.” để đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành về sử dụng tài khoản VneID. Hiện nay, Bộ Tài chính đã hoàn thiện các bài toán nghiệp vụ để xây dựng phần mềm quản lý theo nội dung dự thảo Nghị định và hệ thống phần mềm sẽ hoàn thiện trước 01/4/2025.

2.3. Quy định về quản lý thuế

a) Quy định về chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử

Tại dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ tại công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 của Bộ Tài chính quy định:

“Điều 14. Chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử

1. Hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử được miễn thuế nhập khẩu bao gồm:

a) Hàng hóa nhập khẩu có trị giá hải quan theo từng đơn hàng từ 2.000.000 đồng Việt Nam trở xuống;

b) Hàng hóa nhập khẩu có trị giá hải quan theo từng đơn hàng trên 2.000.000 đồng Việt Nam nhưng có tổng số tiền thuế nhập khẩu phải nộp dưới 200.000 đồng Việt Nam;

Mỗi tổ chức, cá nhân mua hàng chỉ được hưởng tiêu chuẩn miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại điểm a, điểm b khoản này không quá 96.000.000 đồng Việt Nam/năm.

2. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử có trị giá hải quan theo từng đơn hàng trên 2.000.000 đồng Việt Nam và có tổng số tiền thuế nhập khẩu phải nộp trên 200.000 đồng Việt Nam thì phải nộp thuế nhập khẩu đối với toàn bộ trị giá hàng hóa nhập khẩu.

3. Ngoài các quy định về miễn thuế nhập khẩu quy định tại khoản 1 Điều này, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.”

Theo quy định tại dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ tại công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 của Bộ Tài chính thì đối tượng được miễn thuế nhập khẩu là: (i) Hàng hóa nhập khẩu có trị giá hải quan theo từng đơn hàng từ 2.000.000 đồng Việt Nam trở xuống; (ii) Hàng hóa nhập khẩu có trị giá hải quan theo từng đơn hàng trên 2.000.000 đồng Việt Nam nhưng có tổng số tiền thuế nhập khẩu phải nộp dưới 200.000 đồng Việt Nam; Trong đó: Mỗi tổ chức, cá nhân mua hàng chỉ được hưởng tiêu chuẩn miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại điểm (i), điểm (ii) nếu trên không quá 96.000.000 đồng Việt Nam/năm.

Trên cơ sở căn cứ tình hình thực tế, quan điểm quản lý về hàng hóa xuất nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử đã có sự thay đổi, Bộ Tài chính đề xuất 3 nội dung thay đổi liên quan đến chính sách thuế nêu trên như sau:

(i) Bổ quy định về miễn thuế theo số tiền thuế tối thiểu:

- Điều 8.2.d Hiệp định TFA quy định “trong phạm vi có thể, về trị giá lô hàng tối thiểu hoặc số lượng thuế hải quan phải nộp sẽ không được thu, ngoại trừ một số loại hàng hóa nhất định đã được quy định”

- Điều 5.7.1.f Hiệp định CPTPP quy định “trong các tình huống thông thường, quy định không tính thuế hải quan đối với hàng chuyển phát nhanh có trị giá bằng hoặc thấp hơn khoản cố định được quy định theo luật của mỗi Bên”

- Tại Chuẩn mực 4.13, Mục A Chương IV- Thuế hải quan và thuế khác- Công ước Kyoto sửa đổi quy định: “Luật pháp quốc gia phải quy định trị giá tối thiểu và/hoặc số thuế hải quan và thuế khác tối thiểu mà dưới mức đó không thu thuế hải quan và thuế khác.”

Như vậy, cam kết quốc tế không bắt buộc các quốc gia phải quy định miễn thuế đồng thời cả 2 trường hợp theo trị giá tối thiểu và số tiền thuế tối thiểu, pháp luật quốc tế đã tạo ra dư địa về quy định miễn thuế cho từng quốc gia có quyết định riêng.

- Tại khoản 5 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 01/9/2016 quy định: “Hàng hóa có trị giá hoặc có số tiền thuế tối thiểu phải nộp dưới mức tối thiểu” được miễn thuế nhập khẩu.

- Tại khoản 24 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu giao: “Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.

Trên cơ sở rà soát thông lệ quốc tế, pháp luật hiện hành kinh nghiệm của một số nước, Bộ Tài chính nhận thấy nếu quy định miễn thuế đối với hàng hóa có mức thuế nhập khẩu phải nộp dưới 200.000 đồng Việt Nam thì người khai hải quan phải thực hiện khai báo các thông tin để tính được số tiền thuế như: mã HS, mức thuế suất, biểu thuế... và cơ quan hải quan phải có biện pháp kiểm tra

được các thông tin này. Vì vậy, để đảm bảo thuận lợi cho người khai hải quan và cơ quan hải quan trong việc theo dõi, thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa trong định mức miễn thuế, Bộ Tài chính bổ nội dung quy định định mức miễn thuế đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu có trị giá hải quan theo từng đơn hàng trên 2.000.000 đồng Việt Nam nhưng có tổng số tiền thuế nhập khẩu phải nộp dưới 200.000 đồng Việt Nam.

(ii) Giảm mức trị giá miễn thuế từ 2.000.000 đồng xuống còn 1.000.000 đồng:

Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát việc miễn thuế phải đảm bảo thống nhất theo mức quy định tại Khoản 2 Điều 29 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP) và đảm bảo công bằng với những trường hợp khác (không giao dịch qua TMĐT), Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi quy định về việc miễn thuế: “1. Hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử có trị giá hải quan theo từng đơn hàng từ 1.000.000 đồng Việt Nam trở xuống được miễn thuế nhập khẩu”.

Để tránh phát sinh trường hợp hàng giao dịch qua thương mại điện tử gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh vẫn thực hiện ưu đãi miễn thuế theo Nghị định 18/2021/NĐ-CP, dự thảo Nghị định đã quy định: “Chính sách thuế đối với hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử được gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định này, không thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP.”

(iii) Điều chỉnh tổng định mức miễn thuế từ 96.000.000 đồng xuống còn 48.000.000 đồng.

Lý do: Tại Tờ trình Chính phủ số 231/TT- BTC ngày 08/12/2021, Bộ Tài chính đã đề xuất giới hạn về số lần được hưởng định mức miễn thuế là không quá 1 đơn hàng/ngày và không quá 4 đơn hàng/tháng, tương đương tổng định mức miễn thuế đối với mỗi tổ chức, cá nhân là: 2.000.000 đồng x 4 lần x 12 tháng = 96.000.000 đồng/năm. Việc giới hạn số lần mua hàng theo tháng gặp khó khăn trong việc theo dõi, thực hiện trong thực tế. Vì vậy, tại dự thảo theo công văn 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 đã quy định tổng định mức miễn thuế nhập khẩu của mỗi tổ chức, cá nhân là 96.000.000/năm.

Tuy nhiên, do thay đổi về mức trị giá miễn thuế như đề xuất của Bộ Tài chính tại mục (ii) nêu trên nên theo đó tổng định mức miễn thuế đối với mỗi tổ chức, cá nhân là: 1.000.000 đồng x 4 lần x 12 tháng = 48.000.000 đồng/năm.

Vì vậy, Bộ Tài chính đề xuất Điều 14 (dự thảo mới là Điều 12) quy định như sau:

“Điều 12. Chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử:

1. Hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử có trị giá hải quan theo từng đơn hàng từ 1.000.000 đồng Việt Nam trở xuống được miễn thuế nhập khẩu.

Mỗi tổ chức, cá nhân mua hàng chỉ được hưởng tiêu chuẩn miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại khoản này không quá 48.000.000 đồng Việt Nam/năm.

2. Ngoài quy định về miễn thuế nhập khẩu quy định tại khoản 1 Điều này, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

3. Chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử được gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh thực hiện theo quy định tại Điều này, không thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP.

b) Quy định về trị giá hải quan:

Nội dung giữ nguyên như dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ tại công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 của Bộ Tài chính.

c) Quy định về thu nộp thuế, phí hải quan

Nội dung giữ nguyên như dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ tại công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 của Bộ Tài chính.

2.4. Quy định về chính sách quản lý mặt hàng

Điều 13 dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ tại công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 của Bộ Tài chính quy định như sau:

“Điều 13. Quy định về miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử

1. Các trường hợp miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành

a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được miễn giấy phép, miễn điều kiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương, miễn kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử có trị giá hải quan theo từng mặt hàng trong đơn hàng từ 2.000.000 đồng Việt Nam trở xuống hoặc trên 2.000.000 đồng Việt Nam đối với hàng hóa nhập khẩu đơn chiếc (trừ hàng hóa phát kiểm dịch, hàng hóa thuộc danh mục quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, hàng hóa thuộc danh mục phế liệu được phép nhập khẩu) được miễn giấy phép, điều kiện, miễn kiểm tra chuyên ngành nhưng tổng trị giá hàng hóa được miễn không quá 96.000.000 đồng Việt Nam/năm đối với mỗi tổ chức, cá nhân.

2. Các trường hợp miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng trong trường hợp các bộ quản lý

ngành, lĩnh vực có cảnh báo về an toàn thực phẩm, lây lan dịch bệnh, gây nguy hại cho sức khỏe, tính mạng con người, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, nguy hại cho kinh tế, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội hoặc có văn bản thông báo dừng áp dụng chế độ miễn kiểm tra chuyên ngành.

3. Trường hợp hàng hóa không thuộc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, người khai hải quan thực hiện các thủ tục liên quan đến quản lý, kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật."

Theo quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 điều 22 Nghị định số 85/2019 ND-CP quy định về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh có trị giá hải quan được miễn thuế theo quy định của pháp luật về thuế (trị giá dưới 1 triệu đồng) được miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng và an toàn thực phẩm.

Như vậy, hiện nay hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh có trị giá đơn hàng dưới 1 triệu đồng được miễn kiểm tra chuyên ngành, đồng thời tại dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ tại công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 của Bộ Tài chính quy định ngưỡng giá trị hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử được miễn kiểm tra chuyên ngành còn lớn hơn mức hiện nay, cụ thể: Hàng hóa có trị giá từ 2 triệu đồng trở xuống và hàng hóa trên 2 triệu đồng là hàng hóa nhập khẩu đơn chiếc nhưng tổng trị giá hàng hóa được miễn không quá 96.000.000 đồng Việt Nam/năm. Việc áp dụng ngưỡng tổng giá trị nhập khẩu không quá 96.000.000 đồng Việt Nam/năm là để hạn chế việc người mua lợi dụng chính sách, chia nhỏ hàng hóa để hưởng miễn kiểm tra chuyên ngành.

Tuy nhiên, trước bối cảnh thương mại điện tử xuyên biên giới phát triển mạnh như hiện nay, đặc biệt là hàng hóa giá rẻ từ thị trường Trung Quốc đang có xu hướng tràn ồ ạt vào Việt Nam thì việc miễn kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử theo dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ tại công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 của Bộ Tài chính có thể đã tạo sự cạnh tranh không bình đẳng giữa hàng nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử với hàng hóa nhập khẩu khác và hàng sản xuất trong nước, thậm chí là "bảo hộ ngược" đối với hàng thương mại điện tử nhập khẩu như một số bài báo nêu trong thời gian qua và nguy cơ hàng hóa kém chất lượng hoặc không đạt yêu cầu nhập khẩu sẽ tràn vào Việt Nam mà không bị kiểm soát chất lượng.

Do đó, Bộ Tài chính đề xuất quy định điểm b khoản 1 Điều 13 (dự thảo mới là Điều 11) như sau:

Phương án 1:

Điều 11: điểm a khoản 1 giữ nguyên, điểm b khoản 1 sửa thành:

“b) Hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử được miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành theo quyết định của Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực”.

Ưu điểm: Giao thẩm quyền cho Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành danh mục nên tùy thuộc vào tình hình cụ thể, các Bộ ngành có thể ban hành danh mục, sửa đổi, bổ sung danh mục phù hợp với từng thời kì. Quy định này tương tự như quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 sửa đổi bổ sung Nghị định 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP: “p) Các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch) theo quyết định của Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực”.

Nhược điểm: Trong trường hợp Nghị định có hiệu lực thi hành các Bộ chưa ban hành Danh mục thì việc miễn giấy phép, miễn điều kiện, miễn kiểm tra chuyên ngành của hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử chỉ được thực hiện theo các quy định hiện hành (quy định tại khoản a điều 11 Nghị định này) mà không có chính sách mặt hàng riêng đối với hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử.

Phương án 2:

Điều 11: điểm a khoản 1 giữ nguyên, điểm b khoản 1 sửa thành:

“b) Hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử có trị giá hải quan theo đơn hàng từ 1.000.000 đồng Việt Nam trở xuống (trừ hàng hóa phải kiểm dịch, hàng hóa thuộc danh mục quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, hàng hoá thuộc danh mục phế liệu được phép nhập khẩu) được miễn giấy phép, điều kiện, miễn kiểm tra chuyên ngành nhưng tổng trị giá hàng hóa được miễn không quá 48.000.000 đồng Việt Nam/năm đối với mỗi tổ chức, cá nhân”.

Ưu điểm: Ngay sau khi ban hành văn bản quy phạm pháp luật việc miễn giấy phép, miễn điều kiện, miễn kiểm tra chuyên ngành được áp dụng cùng thời điểm với hiệu lực thi hành của Nghị định. Đồng thời các quy định này cũng tương đồng với quy định miễn kiểm tra chuyên ngành tại Điều 22 Nghị định số 85/2019 NĐ-CP.

Nhược điểm: Phương án này căn cứ vào trị giá hải quan để miễn kiểm tra chuyên ngành mà không căn cứ theo tính chất, công dụng của hàng hóa.

Đối với phương án 2 giữ nguyên định hướng như dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ tại công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 của Bộ Tài chính chỉ điều chỉnh phù hợp với quy định về định mức miễn thuế tại Điều 12, do vậy, Bộ Tài chính lựa chọn phương án 2.

2.5. Quy định về thủ tục hải quan

Pháp luật hải quan (Luật Hải quan, Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ, Nghị định 59/2018/NĐ-CP ngày 20/04/2018 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài

chính) chưa có quy định riêng về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử, theo đó đối với các hàng hóa này khi làm thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu được sử dụng mẫu tờ khai và thực hiện thủ tục hải quan (khai các chỉ tiêu thông tin, thực hiện việc kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa, khai sửa đổi, bổ sung) theo quy định chung đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Do đặc thù của hàng hóa xuất nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử, hàng hóa mua trực tiếp từ các sản, website và giao cho người mua hàng tại địa chỉ người nhận hàng, hàng hóa mua chủ yếu là hàng tiêu dùng nhiều chủng loại, trị giá nhỏ, mua tại các thời điểm được giảm giá,... người khai hải quan là chủ sở hữu sản giao dịch thương mại điện tử, chủ sở hữu website thương mại điện tử bán hàng và đại lý làm thủ tục hải quan, do vậy tại Nghị định cần phải có quy định cụ thể, phù hợp với từng nhóm hàng hóa, các chỉ tiêu khai báo đơn giản so với hàng hóa thông thường, việc kiểm tra thực tế hàng hóa trên cơ sở áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro, tăng cường kiểm tra qua máy soi, cụ thể:

a) Về địa điểm làm thủ tục hải quan:

Để tương đồng với quy định hiện hành về địa điểm làm thủ tục đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh, phù hợp với quy định tại Điều 22 Luật Hải quan năm 2014 về địa điểm làm thủ tục hải quan, cũng như về chính sách điều hành, biện pháp quản lý của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Quản lý Ngoại thương. Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 23/2019/QĐ-TTg ngày 27/6/2019 về danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập, dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể về địa điểm làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử gồm:

- Đối với hàng hóa xuất khẩu (không hạn chế địa điểm làm thủ tục hải quan), theo đó người khai hải quan được thực hiện thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan khu vực thuận tiện.

- Đối với hàng hóa nhập khẩu người khai hải quan được thực hiện thủ tục hải quan tại:

- + Chi cục Hải quan khu vực quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh;

- + Chi cục Hải quan khu vực quản lý kho ngoại quan trong trường hợp hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử nhập khẩu từ kho ngoại quan.

So với dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ tại công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 của Bộ Tài chính thì đã bỏ địa điểm làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu là Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập hàng. Lý do vì đối với hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử thường là các lô hàng nhỏ lẻ

vi vậy, nếu thực hiện thủ tục ngay tại khu vực cửa khẩu gây khó khăn cho doanh nghiệp cũng như cơ quan hải quan trong việc kiểm soát các lô hàng nhỏ có khả năng gây ách tắc tại khu vực cửa khẩu.

b) Về chia nhóm hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để có biện pháp quản lý phù hợp, dựa trên kinh nghiệm, thông lệ quốc tế và mức độ rủi ro đối với từng nhóm hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử, được chia nhóm để thực hiện thủ tục hải quan như sau:

1. Hàng hóa không thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép, điều kiện theo quy định của Luật Quản lý ngoại thương, không thuộc danh mục mặt hàng phải kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật; hàng hóa được miễn giấy phép, miễn điều kiện, miễn kiểm tra chuyên ngành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định này; hàng hóa không thuộc trường hợp áp dụng thuế phòng vệ thương mại (sau đây gọi tắt là hàng hóa nhóm 1).

2. Hàng hóa không thuộc nhóm 1 nêu trên (sau đây gọi tắt là hàng hóa nhóm 2).

Sơ với dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ tại công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 của Bộ Tài chính thì đối với việc chia nhóm hàng hóa xuất khẩu không có sự thay đổi, nhưng đối với hàng hóa nhập khẩu có sự thay đổi. Tại dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ theo công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 của Bộ Tài chính thì hàng hóa nhập khẩu được chia thành 03 nhóm: (i) Nhóm 1: Hàng hóa không thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép, điều kiện theo quy định của Luật Quản lý ngoại thương, kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật và trị giá hàng hóa của đơn hàng không vượt định mức miễn thuế quy định tại khoản 1 Điều 14 (Điều 12 dự thảo mới) Nghị định này; (ii) Nhóm 2: Hàng hóa không thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép, điều kiện theo quy định của Luật Quản lý ngoại thương, kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật (và có trị giá hàng hóa của đơn hàng vượt định mức miễn thuế theo quy định khoản 1 Điều 14 (Điều 12 dự thảo mới) Nghị định này; Nhóm 3: Hàng hóa không thuộc nhóm 1, nhóm 2 quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Bộ Tài chính nhận thấy với chỉ đạo của Quốc hội tại Nghị quyết số 174/2024/QH115 kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV: "Chấm dứt ngay hiệu lực của quy định miễn thuế giá trị gia tăng trong Quyết định số 78/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ" và Quyết định số 01/2025/QĐ-TTg ngày 03/01/2025 về việc bãi bỏ Quyết định số 78/2010/QĐ-TTg thì hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu vẫn phải thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng nên việc chia nhóm 1 và nhóm 2 trước đây không cần thiết do hàng hóa của nhóm 1, nhóm 2 đều phải thu thuế chỉ khác nhau là chỉ thu 01 sắc thuế (thuế giá trị gia tăng) hay thu nhiều sắc thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế nhập khẩu) vì vậy thủ tục hải quan tương tự nhau giữa nhóm 1 và nhóm 2 do vậy, Bộ Tài chính đã ghép nhóm 1 và nhóm 2 của hàng hóa nhập khẩu thành 01 nhóm. Khi đó việc chia nhóm của hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu là giống nhau.

Ngoài ra, thuế phòng vệ thương mại là sắc thuế phát sinh ngoài thuế nhập khẩu và áp dụng theo các Quyết định của Bộ Công thương, các tiêu chí để xác định hàng hoá chịu thuế phòng vệ thương mại gồm có: Tên doanh nghiệp sản xuất, nước xuất xứ và các tiêu chí có thể ngoài các tiêu chí phân loại theo Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. Hiện nay các mặt hàng bị áp thuế phòng vệ thương mại sẽ có thuế suất rất cao, ví dụ: mặt hàng sắt thép thuế suất từ 22% đến 33%. Do vậy, các mặt hàng thuộc diện *áp dụng thuế phòng vệ thương mại* phải được kiểm soát chặt để tránh thất thu thuế. Nên việc bổ sung nội dung quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử thuộc nhóm 1 gồm *hàng hoá không thuộc trường hợp áp dụng thuế phòng vệ thương mại* là cần thiết. Đồng thời những mã số hàng hoá có thể *thuộc trường hợp áp dụng thuế phòng vệ thương mại* thực hiện khai báo trên hệ thống TMDT phải được phân luồng 3 để kiểm tra hồ sơ và thực tế hàng hoá.

c) Về thủ tục hải quan:

Để thuận lợi cho người khai hải quan thực hiện thủ tục hải quan, tăng tốc độ thông quan của hàng hóa không phải kiểm tra chuyên ngành, thủ tục hải quan thực hiện như sau:

- Đối với hàng hóa nhóm 1: Thực hiện khai tờ khai hải quan có các chỉ tiêu thông tin về đơn hàng đến Hệ thống của cơ quan hải quan. Khi hàng hóa đến cửa khẩu, người vận chuyển thực hiện khai thông tin vận chuyển đến Hệ thống. Hệ thống thực hiện kiểm tra thông tin tờ khai và thông tin vận chuyển, trường hợp 02 thông tin này phù hợp thì phân luồng tờ khai và thực hiện các bước tiếp theo của thủ tục hải quan (kiểm tra thực tế, nộp thuế,....).

- Đối với hàng hóa nhóm 2: Thực hiện như đối với hàng hóa thông thường và trên Hệ thống VNACCS/VCIS vì hiện tại hàng hóa này phải thực hiện kiểm tra chuyên ngành nên liên quan đến việc kết nối, trao đổi thông tin giữa các Bộ ngành với cơ quan hải quan, đồng thời thủ tục hải quan liên quan đến các Bộ ngành nên cần thống nhất như các hàng hóa thông thường.

Sơ với dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ tại công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 của Bộ Tài chính thì thủ tục hải quan đã không yêu cầu tờ khai hải quan phải thực hiện khai sau khi đã có thông tin đơn hàng và thông tin vận chuyển để cơ quan hải quan đối chiếu vì hiện nay hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử hiện nay đều nằm trong Hệ sinh thái thương mại điện tử, các nhà quản lý website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng, ứng dụng bán hàng có đầy đủ thông tin liên quan đến hàng hóa, người mua, người bán, người vận chuyển vì vậy, việc đối chiếu thông tin đơn hàng và tờ khai hải quan không còn có ý nghĩa trong khi đó người khai hải quan phải thực hiện cung cấp thông tin 02 lần cho cơ quan hải quan.

d) Các chỉ tiêu thông tin khai hải quan sẽ do Bộ Tài chính ban hành theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Luật Hải quan.

d) Về kiểm tra hải quan: Hàng hóa chủ yếu thực hiện kiểm tra qua máy soi.

e) Ngoài những nội dung cần quy định cụ thể trong quá trình làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử nêu trên, thì các nội dung liên quan đến việc xác định trị giá hải quan, xác định mã số hàng hóa, xác định xuất xứ hàng hóa, vấn đề về sở hữu trí tuệ, đưa hàng hóa về bảo quản, về nguyên tắc cũng tương tự như hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thông thường và đang được quy định cụ thể tại hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hải quan, về quản lý ngoại thương, do vậy để đảm bảo thống nhất và nội dung của Nghị định không quá dài, tại dự thảo Nghị định không quy định cụ thể mà chỉ dẫn chiếu đến các quy định của pháp luật có liên quan.

g) Về giám sát hải quan

Giữ nguyên như dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ tại công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 của Bộ Tài chính.

2.6. Về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

Phương án 1: Trường hợp tại Điều 11 quy định về quản lý chuyên ngành lựa chọn phương án 1 thì bổ sung thêm trách nhiệm các bộ, cơ quan ngang bộ "Ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử được miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành theo số lượng/định lượng".

Phương án 2: Trường hợp tại Điều 11 quy định về quản lý chuyên ngành lựa chọn phương án 2 thì giữ nguyên như dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ tại công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 của Bộ Tài chính.

2.7. Về hiệu lực của Nghị định:

a) Về hiệu lực thi hành: Đề xuất hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành Nghị định

b) Về các nội dung bãi bỏ và áp dụng định mức miễn thuế đối với hàng hóa gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh tại Nghị định, Bộ Tài chính đề xuất bỏ nội dung này tại dự thảo Nghị định. Lý do:

Tại dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ tại công văn số 6289/BTC-TCHQ ngày 20/6/2023 của Bộ Tài chính đã quy định bãi bỏ:

" a) Quyết định 78/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về mức giá trị hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh được miễn thuế.

b) Quy định miễn thuế đối với hàng nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 29 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

3. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.”

Tuy nhiên, qua rà soát Bộ Tài chính nhận thấy:

- Ngày 03/01/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 01/2025/QĐ-TTg về việc bãi bỏ Quyết định 78/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về mức giá trị hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh được miễn thuế. Theo đó từ ngày 18/02/2025 hàng hóa gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh phải nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định.

- Đối với hàng hóa gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh mà không giao dịch qua TMDT thì vẫn thực hiện như quy định hiện hành tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP, Nghị định số 18/2021/NĐ-CP, không được điều chỉnh bởi Nghị định này. Trường hợp phát sinh bất cập giữa các chính sách thuế Bộ Tài chính sẽ đề xuất sửa đổi Nghị định số 134/2016/NĐ-CP, Nghị định số 18/2021/NĐ-CP.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN

1. Nguồn nhân lực

- Cán bộ, công chức hải quan đang công tác tại các đơn vị của cơ quan hải quan.

- Cán bộ, công chức thuộc các cơ quan hữu quan khác trong quá trình phối hợp công tác, thi hành công vụ.

2. Nguồn tài chính

Nguồn kinh phí chi thường xuyên, dự phòng từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có) được phê duyệt theo quy định.

Như vậy, nguồn nhân lực, tài chính đảm bảo việc thi hành Nghị định dựa trên các nguồn lực hiện có, không phát sinh yêu cầu về biên chế, tài chính khi triển khai Nghị định.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

(Bộ Tài chính sẽ tổng hợp sau khi xin ý kiến của các đơn vị)

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo:

(i) Dự thảo Nghị định,

(ii) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp

(iii) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

(iv) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định.

(v) Bàn tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị định;

(vi) Báo cáo đánh giá tác động; Bàn đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định.

(vii) Nghị Quyết số 24/NQ-CP ngày 26/02/2021 của Chính phủ về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP - Phạm Minh Chính;
- PTTgCP - Hồ Đức Phúc;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCHQ (03b).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thắng